

CON NGƯỜI TRONG THƠ THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH

Nguyễn Ngọc Đức

Trường Đại học Văn Hiến

Email: thaychinhd@gmail.com

Tóm tắt: Hình tượng con người trong thơ Thiền nói chung và trong thơ Thiền sư Thích Nhất Hạnh nói riêng mang đầy đủ những phẩm chất thanh tao, thoát tục, thâm ngộ triết lý Phật giáo, mang sức mạnh, sứ mạng của con người tự do, hòa nhập với vũ trụ, hoàn toàn giải thoát khỏi những ràng buộc trong thế giới hữu hạn của trần thế. Con người đó thể hiện năng lực sống đối dàu của tự thân, thể hiện cái "xung thiên chí" chứ không còn "đắm lại lối mòn của Như Lai", đề cao sự tự lực, cổ vũ sự năng động, sáng tạo của con người trong nhân thế, thể hiện tâm hồn con người thoát tục trong phạm tục, lạc quan, yêu đời, vượt lên trên chấp ngã thường tình, hoà mình vào đại thể thường hằng bất biến. Đại thể đó công nhận hùng lực vô biên của con người trong một thời đại. Bài viết giới thiệu về hình tượng con người trong thơ thiền sư Thích Nhất Hạnh để trao đổi, mạn đàm cùng độc giả.

Từ khóa: Con người, thơ thiền, Thiền sư, Thích Nhất Hạnh.

Nhận bài: 20/07/2021; Phản biện: 26/07/2021; Duyệt đăng: 28/07/2021.

1. Đặt vấn đề

Thơ thiền Việt Nam là một hiện tượng văn học độc đáo, là một bông hoa kỳ lạ của vườn thơ. Văn học Phật giáo nói chung, thơ thiền nói riêng là một trong những nhánh chính khai nguồn cho dòng văn học viết Việt Nam chảy mãi đến hôm nay.

Thích Nhất Hạnh là một thiền sư, giảng sư, nhà hoạt động xã hội và người vận động cho hòa bình, nhà văn, nhà khảo cứu khoa học nhân văn và lịch sử văn hóa xã hội, nhà ngôn ngữ, nhà thơ, nhà thư pháp. Thiền sư Thích Nhất Hạnh là nhà lãnh đạo Phật giáo có ảnh hưởng lớn thứ hai trên thế giới sau Đạt Lai Lạt Ma 14.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã bảo tồn và phát triển những nhận thức sâu sắc từ truyền thống Phật giáo Đại thừa, phương pháp truyền thống Phật giáo Thượng tọa bộ, phối hợp với các phát kiến của ngành tâm lý học đương đại phương Tây để phát triển dòng tu Tiếp Hiện và đưa thông điệp "Phật giáo dẫn thân" (*engaged Buddhism*) ra thế giới.

Khi đánh giá về Thích Nhất Hạnh, thiền sư Thích Giác Tâm đã nhận xét: "Người đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam dạy quần chúng Phật tử tu hành bằng pháp môn cười, để kết nối mọi người lại với nhau, cười được là chúng ta sẽ đến được với nhau, cho dù có khác nhau về chính kiến, ý thức hệ, tôn giáo, chủng tộc... Và khi đã đến được với nhau rồi thì cuộc đời này sẽ đẹp hơn, vui hơn, an lạc hơn" [11].

"Ngày mới khởi đầu mới, để hân thưởng trọn vẹn hạnh

phúc, Sư Ông hướng dẫn đệ tử mình thực tập cười bằng một bài thi kệ: *Thức dậy miêng mỉm cười. Hăm bốn giờ tinh khôi. Xin nguyện sống trọn vẹn. Mắt thương nhìn cuộc đời*,...[9].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thiền sư Thích Nhất Hạnh và thi giới riêng về nhân thế

Thiền sư Thích Nhất Hạnh tên húy là Nguyễn Xuân Bảo, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1926 tại Thừa Thiên Huế, miền Trung Việt Nam, xuất gia theo Thiền tông vào năm 16 tuổi tại chùa Từ Hiếu, trở thành nhà sư năm 1949. Ngày 1 tháng 5 năm 1966, thiền sư Thanh Quý Chân Thật trao ấn khả cho Thích Nhất Hạnh tại chùa Từ Hiếu để trở thành thiền sư và chân truyền làm Tổ nhánh Từ Hiếu đời thứ 8 dòng Liễu Quán đời thứ 42 của phái thiền Lâm Tế Dhyana (cùng hệ phái tu đạo của học giả Nguyễn Hiến Lê, mời xem Nguyễn Hiến Lê sao sáng trời Nam).

Là một tu sĩ trẻ vào đầu những năm 1950, ông đã tích cực tham gia vào phong trào phục hồi Phật giáo Việt Nam. Ông là một trong những người đầu tiên nghiên cứu chủ đề thế tục tại một trường đại học ở Sài Gòn.

Khi chiến tranh đến Việt Nam, các nhà sư và nữ tu phải đối mặt với câu hỏi là tuân theo cuộc sống chiêm niệm và thiền định trong các tu viện hay giúp những người xung quanh họ thoát khỏi những vụ đánh bom và hỗn loạn chiến tranh.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh là một trong số những người đã chọn để làm cả hai, và ông đã thành lập phong trào Phật giáo Nhập thế, thuật ngữ này xuất hiện trong cuốn sách *"Việt Nam: Hoa sen trong biển lửa"*. Cuộc đời của ông từ đó đã được dành riêng cho công việc chuyển đổi bên trong vì lợi ích của cá nhân và xã hội.

Đầu những năm 1960, ông thành lập Trường thanh thiếu niên về các dịch vụ xã hội (SYSS) tại Sài Gòn, một tổ chức cứu trợ nhân đạo, xây dựng lại các ngôi làng bị bom, thành lập các trường học, các trung tâm y tế và hỗ trợ các gia đình tái định cư bị mất nhà cửa trong chiến tranh Việt Nam. Một tổ chức cứu trợ cấp cơ sở gồm 10.000 tình nguyện viên dựa trên nguyên lý Phật giáo về hòa bình và từ bi.

Năm 1961 ông sang Hoa Kỳ để giảng dạy tôn giáo ở Đại học Princeton và năm tiếp theo, ông tiếp tục giảng dạy và nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Columbia. Ông kêu gọi Martin Luther King, Jr - nhà hoạt động dân quyền người Mỹ gốc Phi nổi tiếng thế giới - chống lại chiến tranh Việt Nam. Năm 1967, mục sư Martin Luther King đã đề cử ông giải Nobel Hòa bình.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã lãnh đạo phái đoàn Phật giáo tại Paris Peace Talks. Là một trong những giáo sư Phật giáo nổi tiếng nhất ở phương Tây, giáo lý và thực hành của ông thu hút nhiều người với nhiều nguồn gốc tôn giáo, tâm linh và chính trị khác nhau.

Vào ngày mùng 1 tháng 5 năm 1966 tại chùa Từ Hiếu, Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhận được "Án khải" từ Sư phụ Thanh Quý - Chân Thật, trở thành một vị Thiền sư và nhà lãnh đạo tinh thần của chùa Từ Hiếu.

Năm 2005, là lần đầu tiên Thiền sư trở về thăm quê hương Việt Nam, với sự đón tiếp nồng hậu và đạo tình thấm thiết của Tăng ni, Phật tử Thừa Thiên Huế. Vào ngày 11/11/2014, một tháng sau ngày sinh nhật thứ 89 của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, và sau vài tháng sức khỏe ông giảm sút nhanh do bị đột quy. Tháng 1 năm 2016, sau hơn một năm phục hồi chức năng, Thiền sư Thích Nhất Hạnh trở về Làng Mai.

Mặc dù không thể nói được và bị tê liệt một phần, nhưng ông vẫn tiếp tục cố gắng hiến cho sự hiện diện thanh bình của mình ở Làng Mai. Thiền sư tham gia vào các hoạt động thiền hành, đi bộ, ăn chay và các nghi lễ mà trước khi khỏe mạnh ông vẫn thường làm.

Trưa ngày 29/8/2017, Thiền sư Thích Nhất Hạnh về Việt Nam cùng các học trò của mình tại sân bay quốc tế Đà Nẵng. Mặc dù Thiền sư vẫn chưa hồi phục được như trước, nhưng sức khỏe đã tiến triển tốt đẹp.

Ngày 28/10/2018, Thiền sư Thích Nhất Hạnh quay trở lại Việt Nam và địa điểm lần này của thiền sư chọn để tĩnh dưỡng là chùa Từ Hiếu (TP Huế), dự kiến Thầy sẽ có thời gian dài nghỉ ngơi tại đây cho đến khi Thiền sư viên tịch.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh tham gia hoạt động xã hội vào những năm 1960 với vai trò là học giả, giáo viên và nhà đấu tranh cho hòa bình... Ông thành lập Trường Đại Học Phật Giáo Vạn Hạnh ở Sài Gòn và Nhà xuất bản Lá Bối (một tạp chí hoạt động vì hòa bình). Năm 1966 ông thành lập Dòng tu Tiếp Hiện (Order of Interbeing).

Trong thời gian chiến tranh Việt Nam, Thiền sư thường xuyên đi Mỹ và châu Âu để nói về vấn đề hòa bình và kêu gọi chấm dứt các cuộc chiến ở Việt Nam.

Trong chuyến đi 1966 lần đầu tiên ông gặp nhà đấu tranh dân quyền Martin Luther King Jr, người sau này đã đề cử ông giải Nobel Hòa bình vào năm 1967. Thiền sư Thích Nhất Hạnh sau đó tiếp tục đi khắp nơi, truyền bá thông điệp hòa bình và từ bi, vận động các nhà lãnh đạo phương Tây tác động đến chiến tranh tại Việt Nam, và trở thành nhà lãnh đạo phái đoàn Phật giáo tại Paris Peace Talks vào năm 1969.

Ông tiếp tục giảng dạy, viết sách về nghệ thuật chánh niệm và "sống hòa bình". Vào đầu những năm 1970, ông là một giảng viên và nhà nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Sorbonne, Paris. Năm 1975 ông thành lập cộng đồng Sweet Potato gần Paris, vào năm 1982, cộng đồng này di chuyển đến một khu vực rộng lớn hơn ở phía tây nam của nước Pháp, nơi thanh bình và tuyệt đẹp đó được gọi là "Làng Mai" hay Đạo tràng Mai Thôn.

Dưới sự lãnh đạo của Thiền sư Nhất Hạnh, Làng Mai đã phát triển từ một trang trại nông thôn nhỏ đến những gì bây giờ là tu viện Phật giáo lớn nhất và năng động nhất ở phương Tây, với hơn 200 tu sĩ thường trú và hơn 8.000 du khách mỗi năm, những người đến từ khắp nơi trên thế giới để học "nghệ thuật của cuộc sống chánh niệm".

Trong hai mươi năm qua, hơn 100.000 người đã cam kết theo quy tắc hiện đại của Thiền sư Nhất Hạnh về đạo đức toàn cầu phổ cập trong cuộc sống hàng ngày của họ, được gọi là "Thực tập 5 chánh niệm".

Gần đây, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã thành lập Wake Up, một phong trào toàn thế giới của hàng ngàn thanh thiếu niên đào tạo về những thói quen này, và ông đã khởi động một chương trình đào tạo các giáo viên quốc tế để dạy chánh niệm tại các trường học ở Châu Âu, Mỹ và Châu Á.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã xuất bản hơn 100 quyển sách về thiền định, chánh niệm và Phật giáo, trong đó hơn 40 bài bằng tiếng Anh. Ông cũng thường xuyên có những bài viết trên tạp chí Order of Interbeing, cũng như các bài thơ, những câu chuyện về trẻ em, và các bài bình luận về các văn bản Phật giáo cổ.

Và mới đây vào chiều ngày 26-3, lễ khai mạc triển lãm sách và thư pháp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh lần đầu tiên ở Việt Nam đã được tổ chức tại TP.HCM, với

chủ đề “Hương thơm quê mẹ” với hơn 145 đầu sách tiếng Việt đã được xuất bản trong nước suốt hơn 15 năm qua và 100 tác phẩm thư pháp với nhiều ngôn ngữ khác nhau do chính Thích Nhất Hạnh trước tác.

Thơ thiền Thích Nhất Hạnh có những tiếp hiện nhân văn, sâu sắc, uyên áo lạ thường. Những câu thơ hay như “*chân hôn mặt đất, mắt ôm trời*” “*thăng tu đồng nội trăm hoa nở/ mong ước ôm đầy hai cánh tay/ sắc xuân rực rỡ trời phương ngoại/ thơ hát yêu thương rộng thắm ngày*”... là sự thăng hoa của trí tuệ, tự thấm vào lòng người đọc [1].

Con người trong Thơ thiền Thích Nhất Hạnh thường có hai đặc tính: con người với đức tin tôn giáo, hành trình tôn giáo và con người trong vẻ đẹp muôn màu của văn học.

Con người trong Thơ thiền Thích Nhất Hạnh được mô tả và khơi gợi ở nhiều góc độ phong phú, bao gồm chính hình ảnh Đức Phật với những tiền thân, các vị Phật, các kiếp người, với nhiều trạng thái và cơ duyên Phật pháp khác nhau. Do vậy, tìm hiểu hình ảnh con người trong Thơ thiền Thích Nhất Hạnh nói chung vừa để tìm hiểu hành trình tu chứng của chính con người trên bước đường tâm linh mà họ đã chọn; đồng thời, cũng là tìm kiếm các giá trị mỹ học Phật giáo đã làm nền và chuyển hóa vào các hình ảnh sâu sắc đó.

2.2. Ba kiểu con người thiền trong thơ Thích Nhất Hạnh

2.2.1. Con người an lạc và thành thoi

An lạc là phẩm tính đầu tiên mà chúng ta cần có và nhất là trong cuộc sống bất an hiện nay. Con người an lạc là con người đang có bình an và hạnh phúc, đặc biệt người tu hay một thiền sư thì an lạc phải đạt được trong từng phút, từng giây. Muốn đạt được điều đó thì chúng ta phải thanh lọc và không để tâm hướng về khổ đau quá khứ hay đuổi theo ảo vọng tương lai. Qua bài “Ý thức em mặt trời tỏ rạng”, Thích Nhất Hạnh đã chỉ rõ:

*“Thức dậy hôm nay em thấy được trời xanh
Chấp tay em cảm ơn đời mầu nhiệm
Cho em hai mươi bốn giờ tinh khôi
Cho em bầu trời bao la,...”*

(Ý thức em mặt trời tỏ rạng)

An lạc không phải là một thứ mà chúng ta tìm cầu bên ngoài mà quay về tự thân để cảm nhận, một ngày mới bắt đầu ta còn mở đôi mắt để nhìn, vẫn còn phía trước hai mươi bốn giờ quý báu, một bầu trời bao la.

Qua bài “Địa xúc”, ta cảm nhận được tình thương diệu kỳ của thiền sư, nhẹ nhàng hướng dẫn thiền sinh đắc an lạc:

*“Đây một tọa cụ nhỏ
.....
Anh hãy ngồi xuống đi
Ngồi cho thẳng*

Ngồi cho vững

Ngồi cho an

Đừng để tư duy đưa hồng anh lên không gian

Bàn tọa anh hãy chấm chặt vào mặt đất”

Chỉ thế thôi, tầng nghĩa cao quý trong thơ Thích Nhất Hạnh không những chúng ta cảm nhận bằng tư duy mà ngay giờ phút này ta hãy cảm nhận bằng hành động. Hãy ngồi xuống, ngồi ở đâu cũng được, cho vững, cho an và tiếp chạm với hiện tại, chỉ cần ngồi cho vững là chúng ta an lạc vô cùng. Con người an lạc là con người biết ngồi cho vững và ngồi cho an.

Thành thoi là phẩm tính tiếp theo khi ta đã có an lạc. Trong quyển *Bước tới thành thoi* quyển sách gối đầu của sadi (sadi là tên gọi chung cho những người bước vào con đường xuất gia tu học) Thích Nhất Hạnh có bài thi kệ *Xếp mền* “*Xếp mền cho niềm vui/ Sống gần nắp cuộc đời/ Thân và tâm thúc liễm/ Phiền não phải rụng rơi*”. Con người thành thoi không phải là con người biếng nhác, mà là con người luôn vui vẻ với công việc mà mình làm. Dù việc ít hay nhiều, dù việc nặng hay nhẹ, mỗi khi ta bắt tay vào công việc phải bằng tâm phụng sự, hiến tặng, nở nụ cười an yên, phiền não sẽ rụng rơi trong giây phút ấy.

Trong bài *Mây trắng thông dong* ta cảm nhận được con người thành thoi tuyệt hảo khi nhìn những ả đạm thể thoi:

*“Bây giờ thoát đi, xiềng xích chẳng còn buộc nổi
chân thân,*

*Người trở về kiếp mây trắng, thành thoi trên bầu trời
mênh mông;*

*Đến, đi, tự người - đỉnh cao nào thích thú thì người
dừng lại,*

*Cưỡi trên sóng bạc đầu chừ, ta hát ru người khúc hát
bi hùng.”*

(Mây trắng thông dong)

Tự trung, con người an lạc và thành thoi là con người hành thiền, cảm nhận sự mầu nhiệm của hiện tại, ngồi thật yên, từng hơi thở vào ra buông xả quá khứ, đừng tưởng tương lai và xa lìa phiền não.

2.2.2. Con người an trú và nhiệm mầu

An trú nghĩa là ở yên cả thân và tâm. Ta có thể ngồi yên nhưng tâm ta khó có thể yên tịnh, nên thiền gia có câu “Tâm viên ý mã”, nghĩa là tâm con người giống như con khỉ, ý thì giống như con ngựa suốt ngày cứ chạy lung tung. Bước đầu thực tập để ta an trú là loại bỏ tâm viên nhưng với Thích Nhất Hạnh, thiền sư có một bài thơ tuyệt vời hơn:

*“Quả vị đầu tiên mà ta tu chứng
Là quả vị phi cóc tính
Nếu bạn bỏ con cóc vào đĩa
Chỉ trong vài giây
Cóc sẽ nhảy ra.”*

(Phi Cóc tính)

Bạn và ta có thể thử làm việc này, bắt một con cóc và bỏ vào đĩa xem thế nào? Nó sẽ nhảy ra ngay thôi. “Phi cóc tính” nghĩa là không có tính của con cóc trong con người của mình. Trong chúng ta cũng tính của con cóc không bao giờ an trú được, tâm luôn đứng núi này trông núi nọ, không bao giờ cảm giác an yên nơi chốn mà ta đang hiện hữu.

*“Bạn và tôi
Chúng ta đều có Phật tánh trong tâm
Đó thật là một niềm an ủi
Nhưng bạn và tôi
Chúng ta cũng có cóc tính trong tâm
Vì vậy cho nên
Quả vị tu chứng đầu tiên của chúng ta
Là đạt tới
Phi cóc tính”.*

(Phi Cóc tính)

Người an trú là người nhận diện Phật tánh trong tâm, loại dần cóc tính (tính hay tánh đều nghĩa tương đồng) và luôn an trú trong hiện tại.

An trú trong hiện tại, theo thiền sư thì chắc chắn sẽ nhiệm mầu. Nhiệm mầu là một danh từ, là mầu nhiệm hay là phép nhiệm mầu. Nhiệm mầu hay phép nhiệm mầu làm người cho là những phép lạ, là có công năng cải tử hoàn sinh, đưa thân người bay bổng giữa không trung nhưng với Thích Nhất Hạnh nhiệm mầu ai trong chúng ta cũng có, là những gì rất thực đang diễn ra xung quanh chúng ta.

*“Bởi vì trắng không có ngả
Và bởi vì người ngắm trắng không có ngả
Cho nên cả trắng và người ngắm trắng đều là thực tại
nhiệm mầu
Và ngắm trắng là một điều mầu nhiệm nhất trên đời
Ngắm trắng chính là công phu tu tập.”*

(Ngắm trắng)

Theo Thích Nhất Hạnh nhiệm mầu không phải ở ngoài ta, mà chỉ cần ta không có ngả, ta hòa tâm ta vào khách thể, từ đó khách thể cũng không có ngả. Huỳnh Như Phương đã từng nhận định “Nếu thử làm một thống kê từ vựng học, thì có lẽ trong thơ Nhất Hạnh, ngoài những từ xưng hô, hai từ xuất hiện với tần số dày nhất là “thương yêu” và “mầu nhiệm”. Tình thương yêu tự nó là sự mầu nhiệm. Nhưng mầu nhiệm cũng tỏa sáng trên nhiều hiện tượng của trần gian, trong đó có sự tương tức, phổ nhập và hóa thân”[10].

Yếu chỉ của thiền học là đem Tâm lang thang về hiện tại và con người trong thơ Thích Nhất Hạnh là nhận diện những gì đang xảy ra, ngồi thật yên và theo dõi nhẹ nhàng ra vào của hơi thở - đó là con người an trú và nhiệm mầu.

2.2.3. Con người hiểu biết và thương yêu

Hiểu biết và thương yêu là dịch ra từ ngôn từ Hán

tạng - từ bi và trí tuệ. Đây là hai gia tài quý báu mà đức Phật để lại cho chúng đệ tử từ xưa đến nay của Ngài. Người đạt được hiểu biết và thương yêu là người đạt đạo. Với Thích Nhất Hạnh, một đời xây dựng “Hiểu biết và thương yêu”, tinh hoa ấy chất lọc trong từ ngôn từ thi ca của Thầy và muốn thấm thấu được tinh hoa ấy, ta phải hiểu thầy, phải chiêm nghiệm từng bước chân tình thức của Thầy. Câu nói Thầy hiến tặng cho người là “Thấu hiểu nỗi đau của người khác là món quà to lớn nhất mà bạn có thể trao tặng họ. Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương. Nếu bạn không thể thấu hiểu, thì bạn chẳng thể yêu thương” (Thích Nhất Hạnh). Hiểu biết và thương yêu như đôi cánh nâng người vào biển giải thoát; như tay phải, tay trái cho hoàn thiện thân người; là hai phạm trù tương tức và là một.

*“Anh là tôi
Và tôi là anh
Anh không thấy sao
Rằng chúng ta tương tức*

*Tôi nâng đỡ anh
Anh yểm trợ tôi
Tôi có mặt trên đời để hiến cho anh an lạc
Anh có mặt đó để cho tôi niềm vui”*

Hiểu biết là trí tuệ và trí tuệ cao thâm là ta nhận ra được tương tức giữa ta và người “Anh là tôi và tôi cũng là anh” và hiện hữu trên cuộc đời này là nâng đỡ và yểm trợ cho nhau. Hiểu biết này khác với hiểu biết khác của nhân gian “hiểu biết để có thứ hạng, để hơn thua, để tranh giành, để chiến phạt, để ghét ganh,...”. Hiểu này là hiểu biết để thương yêu, hiểu biết cả khi anh làm tôi buồn, tôi giận; cả khi anh tàn hại tôi và tàn hại cả người tôi thương. Bởi theo bằng con mắt tuệ quán “người gây cho ta đau khổ họ cũng đang rất khổ đau” và thầy đã dặn dò: “*Có thể ngày mai/ Trước khuôn mặt bạo tàn/ Một mình em đối diện/ Hãy rút cái nhìn dịu hiền/ Từ đôi mắt/ Hãy can đảm/ Dù không ai hay biết/ Và nụ cười em/ Hãy để nở/ Trong cô đơn/ Trong đau thương thống thiết/ Những người yêu em/ Dù lệnh đênh/ Qua ngàn trùng sinh diệt/ Vẫn sẽ nhìn thấy em.*” (Thích Nhất Hạnh, Dặn dò)

Trong bài viết “Thiền sư Thích Nhất Hạnh trong mắt các học giả thế giới” Trần Đăng Khoa đã nhận xét: “*Thiền sư Thích Nhất Hạnh là thế. Ông là một vị Phật sống. Ông xuất hiện ở đâu là nơi đó thành ngôi chùa linh thiêng. Ngôi chùa ấy có tên là Tình yêu thương*” [13].

Thầy đã xây dựng con đường “Hiểu biết thương yêu”, con đường đó không phải để đi mà đó là con đường lý tưởng mà trong trái tim thấy và học trò thấy phải hoàn thiện. Trong bài “chấm dứt luân hồi” thầy đã viết:

*“Chấm dứt luân hồi
Chỉ là chuyển hóa khổ đau
Và khổ đau là chất liệu*

*Làm ra hạnh phúc
Vi vậy anh cũng không cần quá lo lắng
Rằng có những khổ đau trong cuộc đời”.*

(Chấm dứt luân hồi)

Việc lớn của người tu là chuyện sanh tử “sanh tử sự đại” nhưng thơ Thích Nhất Hạnh biểu đạt chuyện sinh tử không chỉ là sanh mạng của con người mà hạnh phúc hay khổ đau cũng có sanh tử của chúng và chúng đối lập cùng nhau. Nếu “hạnh phúc” có mặt thì “khổ đau” sẽ không còn và ngược lại”. Con người hiểu biết và thương yêu là con người biết chế tác hạnh phúc và không lo lắng khi khổ đau hiện hữu, vì khổ đau cũng vô thường, có sanh tử.

3. Kết luận

Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng chia sẻ: “Trong thơ của tôi có mực, trà, hít thở, chánh niệm và tập trung. Viết thơ là một môn thiền định. Tôi viết các từ hoặc câu mà có thể nhắc nhở mọi người về sự thực tập chánh niệm.”

Có lẽ chính sức mạnh từ sự thiền tập và chánh niệm đó đã khiến các tác phẩm thơ của thiền sư Thích Nhất Hạnh luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu mỹ thuật và thiền học trên thế giới.

Có thể nói rằng, mỗi bài thơ của sư ông đều như một câu kinh để mọi người và tu tập, nuôi dưỡng chất liệu tinh thương lớn đại đồng. □

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ghi lại theo sách Nhất Hạnh (1996), *Thơ từng ôm và mặt trời từng hạt*, NXB. Lá Bối, Walnut Creek, California, tr.6.
- [2]. Morgan Gibson (1996), “*Lời Bụt cất lên từ vùng đất đau thương*” (Tịnh Thủy dịch), in trong Nhất Hạnh: Sđđ, tr.323-328.
- [3]. Dang Tien (2002), “*Préface*”, in trong Thích Nhất Hạnh (2002): *En passant le pont*, La Boi Editeur, Walnut Creek, California, tr.3-5.
- [4]. Xem Chơn Không Cao Ngọc Phượng (1980), *Thử tìm Dấu chân trên cát*, NXB. Lá Bối, tr.103.
- [5]. Nhất Hạnh (1969), *Vấn đề nhận thức trong duy thức học*, NXB. Lá Bối, Sài Gòn, tr.10.
- [6]. Nhất Hạnh (1972), *Nẻo về của ý*, NXB. An Tiêm, Sài Gòn, tr.176.
- [7]. Nhất Hạnh (không ghi năm xuất bản), *Giảng luận duy biểu học*, NXB. Lá Bối, tr.258.
- [8]. Gia đình Làng Mai biên soạn (2010), *Từ điển Làng Mai*, NXB. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh
- [9]. Thích Nhất Hạnh (2015), *Bước tới thành thơ*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội, tr.10.
- [10]. Huỳnh Như Phương (<https://giacngo.vn/tho-nhat-hanh-nhung-hoa-than-mau-nhiem-post38220.html>)
- [11]. Lương Đình Khoa (n.d.), *Thơ Nhất Hạnh: Những hóa thân màu nhiệm*.
- [12]. Narada Mahathera dịch Pali-Anh, HT. Thích Thiện Siêu dịch Hán Việt, HT. Thích Minh Châu dịch Pali-Việt (2014). *Dhammapada-Kinh Pháp Cú-Lời Phật dạy*. NXB. Hồng Đức.
- [13]. Phương Vũ (2018, 11 03). *Cuộc đời của thiền sư Thích Nhất Hạnh đăng trên*, Thứ bảy, ngày 3/11/2018. *VnExpress*.
- [14]. Thích Huyền Dung (dịch, 2008). *Kinh Từ Bi Thủy Sâm*. Hồ Chí Minh, NXB.Tôn Giáo.
- [15]. Thích Nhất Hạnh (2015). *Truyền đăng tục diệm*. Hồ Chí Minh: NXB Hội nhà văn.
- [16]. Thích Nhất Hạnh (2019). *Thiền sư Khương tăng hội*. Nxb Lao động.
- [17]. Thích Thanh Từ (2008). *Thiền sư Trung Hoa*. NXB Tôn giáo.

Human in Zen Master Thich Nhat Hanh's poetry

Nguyen Ngoc Duc

Van Hien University

Email: thaychinhdo@gmail.com

Abstract: *The image of a person in Zen poetry in general and in Zen Master Thich Nhat Hanh's in particular has a full range of ethereal, secular, profound Buddhist philosophy, bringing the power and mission of free human to integrate with the universe, completely free from the constraints of the finite world of the earth. That person shows his own abundant life force, expressing the "spiritual impulse" but no longer "step on the path of the Tathagata"; promoting self-reliance; encouraging the dynamism and creativity of human beings in the human world; expressing the human soul out of mundane, optimism, love of life; going beyond ordinary resentment; mixing in general immutable situation. The article introduces the human image in Zen Master Thich Nhat Hanh's poetry to share and discuss with the readers.*

Keywords: *People, Zen poetry, Zen Master, Thich Nhat Hanh.*